# ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

**NGUYỄN QUANG TÙNG**

**XÂY DỰNG ĐẶC KHU KINH TẾ TẠI**

**VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế chính trị**

**Mã số: 9310102.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**HÀ NỘI – 2020**

**Công trình được hoàn thành tại:**

**Trường đại học Kinh tế –Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Xuân Bá**

Phản biện: 1. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Phản biện: 2. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Kinh tế, Đại Học Quốc Gia Hà Nội

Vào hồi ... giờ ...., ngày .... tháng .... năm 2020

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

# MỞ ĐẦU

## Sự cần thiết nghiên cứu

Trong những năm đầu thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương hình thành và phát triển các KCX, sau đó là các KCN, KKTCK, KCNC và KKT ven biển; đây là những điều kiện tiền đề quan trọng để có thể hình thành phát triển các ĐKKT sau này. Sau hơn 30 năm Đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội (KT-XH). Trong sự thành công này có sự đóng góp quan trọng của các KCN, KCX, KKT, KCNC với mức độ khác nhau. Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực tiễn phát triển các khu này còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém. Đặc biệt, các khu này còn chưa thích nghi tốt với các điều kiện mới của thế giới đang chuyển sang nền kinh tế hiện đại, càng khó bắt nhịp với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Chủ trương hình thành ĐKKT tại Việt Nam đã được Đảng ta xác định cách đây hơn 20 năm. Tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1997) đã đề ra chủ trương nghiên cứu xây dựng thí điểm một vài ĐKKT

Việc hình thành, xây dựng ĐKKT tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập ngày càng sâu rộng hiện nay, được kỳ vọng sẽ tạo được bước ngoặt mới trong thu hút các nguồn lực đầu tư, tạo sự lan tỏa cho cả nền kinh tế trên nhiều lĩnh vực, mà còn là giải pháp có tính đột phá để Việt Nam tận dụng các lợi thế so sánh của đất nước, làm gia tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tuy nhiên, việc hình thành và xây dựng ĐKKT tại Việt Nam trong giai đoạn tới cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và cạnh tranh ngày càng gay gắt. Bên cạnh những hạn chế trong thực tiễn phát triển các ĐKKT tại Việt Nam giai đoạn vừa qua, nhiều nền kinh tế trong khu vực đang lập thêm nhiều ĐKKT và tiếp tục được điều chỉnh thể chế theo hướng ngày càng thông thoáng cao hơn, gắn kết với mạng lưới thành phố liên hoàn, thông minh. Do đó, Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức khi ban hành các thể chế, cơ chế chính sách mang tính đột phá cao cho ĐKKT sắp được hình thành, xây dựng trong giai đoạn tới.

Xây dựng và phát triển ĐKKT tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập hiện nay là một nhu cầu cấp thiết. Muốn vậy, luận án cần phải nghiên cứu nghiêm túc toàn diện việc xây dựng và phát triển ĐKKT tại Việt Nam, cả về lý luận và thực tiễn ở trong nước và cả ngoài nước.

## Ý nghĩa của nghiên cứu

- Lý luận kinh tế chính trị để phân tích ĐKKT

- Phân tích tương tác liên ngành liên vùng trong điều kiện mới

- Luận chứng cho các quan điểm và giải pháp

## Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu về lý luận và thực tiễn phát triển ĐKKT trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; tổng kết quá trình phát triển đa dạng của ĐKKT tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua. Trên cơ sở đó, với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng, phân tích những vấn đề mang tính quy luật để tạo đột phá, đề xuất các khuyến nghị về thể chế, cơ chế chính sách, quản trị cũng như các điều kiện tiền đề để xây dựng ĐKKT tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

Mục đích cuối cùng của luận án là trả lời được câu hỏi nghiên cứu quan trọng nhất là với lý luận và kinh nghiệm quốc tế, với thực trang và bối cảnh mới, liệu Việt Nam có nên xây dựng ĐKKT hay không? Nếu có thì đề xuất những đặc điểm để hình thành ĐKKT ở Việt Nam, tạo động lực mạnh mẽ trong thời gian tới.

## Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Việt Nam có cần xây dựng ĐKKT dựa trên tổng kết lý luận và phân tích thực tiễn?

Câu hỏi 2: Xây dựng ĐKKT trong điều kiện hội nhập cần có các điều kiện tiền đề gì? Những yếu tố then chốt, quyết định tới việc xây dựng ĐKKT ở Việt Nam là gì?

Câu hỏi 3: Loại hình ĐKKT nào nên đề xuất cho phù hợp, với mục tiêu xây dựng và các giải pháp chính sách đột phá là gì.

## 5. Đối tượng và Phạm vi Nghiên cứu

***5.1. Đối tượng nghiên cứu:*** các loại hình khu kinh tế khác nhau

***5.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Về không gian: Các loại hình khu kinh tế trên thế giới, trong đó tập trung vào ĐKKT của các nước khu vực Châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, UAE,..., cũng như tham khảo kinh nghiệm trong phát triển các các loại khu ở Việt Nam.

- Về thời gian: Số liệu, tư liệu thứ cấp được thu thập trong giai đoạn 1980 đến cuối năm 2018. Số liệu sơ cấp (điều tra, khảo sát) thực hiện năm 2019.

- Về nội dung: Tập trung nghiên cứu làm rõ các điều kiện để hình thành, xây dựng ĐKKT tại Việt Nam. Đề xuất loại hình ĐKKT cho Việt Nam và giải pháp chủ yếu cho hình thành, xây dựng ĐKKT theo loại hình đã đề xuất ở Việt Nam trong thời gian tới.

**6. Tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

-Tiếp cận nghiên cứu: Tiếp cận hệ thống

- Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu tài liệu và điều tra.

**7. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

***7.1. Về lý luận***

- Hệ thống hóa các khung lý thuyết nghiên cứu và các nghiên cứu về ĐKKT;

- Xây dựng, hệ thống hóa, phân loại các loại hình ĐKKT trên thế giới;

- Định hình bộ tiêu chí đánh giá các loại hình ĐKKT trên thế giới.

- Đưa ra những quan điểm, định hướng, mục tiêu, giải pháp đối với loại hình ĐKKT sẽ lựa chọn xây dựng trong thời gian tới.

***7.2. Về thực tiễn***

- Từ thực tiễn phát triển các ĐKKT tại các nước trên thế giới, đặc biệt tại các nước đang phát triển, chỉ ra những yếu tố quyết định đến sự thành công, thất bại của các ĐKKT trên thế giới; bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

- Phân tích thực trạng phát triển các loại hình KKT ở Việt Nam trong thời gian qua; đánh giá những mặt được; những tồn tại, hạn chế, yếu kém;

- Xác định loại hình ĐKKT của Việt Nam sẽ hình thành, xây dựng và phát triển trong giai đoạn tới, giai đoạn đất nước Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, cũng như sự tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tư liệu hữu ích đối với các nhà hoạch định chính sách quản lý vĩ mô nói chung, giúp ích cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách hình thành, xây dựng và phát triển các ĐKKT tại Việt Nam trong thời gian tới.

**8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

- Lý luận kinh tế chính trị để phân tích ĐKKT: Chưa có nhiều nghiên cứu làm rõ, lý giải thấu đáo mang tính kinh tế chính trị về các vấn đề có tính quy luật, các nhân tố tác động và kênh tác động; chưa có nhiều bài học kinh nghiệm từ một số nước và Việt Nam.

- Phân tích tương tác liên ngành liên vùng trong điều kiện mới: Chưa có nhiều nghiên cứu mang tính hệ thống về các tương tác liên ngành, liên vùng giữa các ĐKKT với quốc gia, quốc tế trong điều kiện mới đang chuyển biến nhanh bởi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập.

- Luận chứng cho các quan điểm: Chưa đưa ra được nhiều cơ sở lý luận vững chắc về các quan điểm, định hướng làm nền tảng cho các kiến nghị, nhất là về thể chế, quản trị hiện đại, đẳng cấp vượt trội, thu hút được các nhà đầu tư chiến lược hàng đầu quốc tế trong phát triển ĐKKT ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập.

**9. Cấu trúc luận án**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung luận án được cấu trúc thành các chương chủ yếu sau: Tổng quan tài liệu (Chương 1); Cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm quốc tế (Chương 2); Thực trạng xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam (Chương 3); và Quan điểm, định hướng, mục tiêu và giải pháp chủ yếu xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam (Chương 4).

# CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

**1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu ở ngoài nước**

***1.1.1. Nghiên cứu về ĐKKT hiện đại trên thế giới***

Thứ nhất, các nghiên cứu về vai trò của nhà nước và thị trường trong việc hình thành và phát triển ĐKKT

Thứ hai, các nghiên cứu đánh giá tác động của nhà nước và thị trường đến hoạt động của ĐKKT; những tác động đến KT-XH được thể hiện trên nhiều khía cạnh tích cực cũng như tiêu cực như tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư, lao động, khoa học và công nghệ, năng suất, môi trường và xã hội.

Thứ ba, các nghiên cứu về tác động của nhà nước, thị trường làm thay đổi tư duy, quan điểm về phương thức quản lý, phát triển ĐKKT nhằm xây dựng một mô hình ĐKKT kiểu mới.

***1.1.2. Nghiên cứu về ĐKKT Trung Quốc***

***1.1.3. Nghiên cứu về ĐKKT Ấn Độ***

***1.1.4. Nghiên cứu về ĐKKT UAE***

**1.2. Tổng quan công trình nghiên cứu trong nước về ĐKKT ở nước ngoài**

1.2.1. Nghiên cứu về ĐKKT hiện đại trên thế giới

1.2.2. Nghiên cứu về ĐKKT của Trung Quốc

1.2.3. Nghiên cứu về ĐKKT của Ấn Độ

1.2.4. Nghiên cứu về KCN, KCX, KKT trong nước

**1.3. Nhận xét về các kết quả nghiên cứu và các khoảng trống**

***1.3.1. Những kết quả đạt được***

1.3.1.1. Về lý luận

1.3.1.2. Về thực tiễn

***1.3.2. Các khoảng trống***

1.3.2.1. Về lý luận

1.3.2.2. Về thực tiễn

***1.3.3. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết***

Nghiên cứu một cách sâu rộng về ĐKKT tại các quốc gia qua nhiều giai đoạn, cũng như sự hình thành và phát triển KCN, KCX, KKT tại Việt Nam trong thời gian qua một cách phù hợp và hiệu quả nhất. Tên và nội dung của Luận án không trùng với bất kỳ đề tài nghiên cứu nào đã có. Trong luận án, tác giả đã kế thừa những giá trị nghiên cứu như những khảo sát, số liệu hay hệ thống cơ sở lý luận trong phạm vi nghiên cứu của mình, đồng thời cũng có những đóng góp riêng có thể bổ sung cho những thiếu sót mà những nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến.

**1.4. Tiểu kết Chương 1**

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy:

Thứ nhất, các nghiên cứu trước đây đều nhận định ĐKKT đã và đang là một xu thế phát triển, đặc biệt là tại các nước đang phát triển trong quá trình cải cách, mở cửa và hội nhập.

Thứ hai, ĐKKT có nhiều tên gọi khác nhau, tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, có nhiều mô hình khác nhau; ngay cả trong một quốc gia cũng có nhiều loại hình ĐKKT khác nhau.

Thứ ba, ĐKKT đều có những tác động tích cực lẫn cả tiêu cực. Trên thực tế, tác động tiêu cực hay tích cực của ĐKKT lại còn tùy thuộc vào những điều kiện đặc thù của chính những ĐKKT này và ở mỗi quốc gia, thậm chí ở mỗi thời điểm phát triển của ĐKKT và quốc gia đó.

**CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ**

**2.1. Cơ sở lý luận và lý thuyết về đặc khu kinh tế**

***2.1.1. Lý luận về ĐKKT***

***2.1.2. Một số khái niệm chủ yếu liên quan***

*2.1.2.1. Khái niệm về một số loại hình ĐKKT*

Tổng hợp các nguyên tắc được kết hợp trong những khái niệm cơ bản của KCN, KCX, KKTCK, KCNC, KKT, KKTTD, KKT ven biển, KKT đặc biệt hay ĐKKT, ĐKHC...(được gọi chung là ĐKKT), gồm:

(1) Có ranh giới địa lý xác định, được bảo vệ về mặt vật lý (có rào chắn);

(2) Áp dụng cơ chế, chính sách riêng về hành chính và kinh tế, đặc biệt là có các cơ chế, chính sách ưu đãi hơn hẳn các khu vực còn lại của đất nước;

(3) Cơ chế quản lý thí điểm vượt trội so với chính sách hiện tại trong nước;

(4) Khu vực hải quan riêng biệt (miễn thuế) và thủ tục thuận tiện.

*2.1.2.2. Khái niệm về ĐKKT của các tổ chức quốc tế, học giả*

***2.1.3. Vai trò và đóng góp của một số loại hình ĐKKT***

*2.1.3.1. Vai trò chung*

* Đóng góp cho phát triển bền vững
* Đóng góp kinh tế trực tiếp và gián tiếp của ĐKKT
* Đóng góp vùng năng động: phát triển và nâng cấp công nghiệp
* Tác động xã hội và môi trường

*2.1.3.1. Khu công nghiệp*

*2.1.3.2. Đặc khu kinh tế*

*2.1.3.3. Khu công nghệ cao*

*2.1.3.4. Khu công nghiệp sinh thái*

*2.1.3.5. Thành phố thông minh*

**2.2. Nội dung về xây dựng ĐKKT**

***2.2.1. Điều kiện tiền đề và đặc thù cho xây dựng ĐKKT***

Thực tiễn phát triển các loại ĐKKT đa dạng trên thế giới đều có chung 6 điều kiện tiền đề và đặc thù trong xây dựng ĐKKT, đó là:

(1) Vị trí chiến lược

(2) Luật điều chỉnh riêng

(3) Môi trường đầu tư kinh doanh và ưu đãi cạnh trạnh quốc tế, với việc lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược

(4) Chiến lược và mục tiêu phát triển rõ ràng

(5) Hỗ trợ đầu tư ban đầu của Nhà nước

(6) Bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả

***2.2.2. Lựa chọn loại hình ĐKKT thích hợp***

Loại thứ nhất: ĐKKT được trao quyền tự chủ cao hơn, linh hoạt hơn so với các quy định của văn bản pháp luật hiện hành đang được áp dụng đối với phần còn lại của đất nước.

Loại thứ hai: ĐKKT được trao quyền về thể chế kinh tế và hành chính được phân cấp và vượt trội hơn hẳn so với phần còn lại của đất nước.

Loại thứ ba: ĐKKT được xây dựng hệ thống chính trị, thể chế kinh tế và hành chính tự trị, khác biệt so với phần còn lại của đất nước.

**2.3. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hình thành, xây dựng và phát triển ĐKKT**

***2.3.1. Nhân tố khách quan***

*2.3.1.1. Xu thế hội nhập và toàn cầu hóa*

*2.3.1.2. Khoa học, công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*

***2.3.2. Các nhân tố chủ quan***

*2.3.2.1. Tư duy chính trị mang tầm thời đại*

*2.3.2.2. Thể chế, cơ chế chính sách*

*2.3.2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và kết nối*

***2.3.3. Các nhân tố hỗn hợp***

*2.3.3.1. Vị trị địa lý*

*2.3.3.2. Nguồn nhân lực chất lượng cao*

***2.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến thành công của ĐKKT***

**2.4. Kinh nghiệm quốc tế**

***2.4.1. Trung Quốc***

* Về hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng
* Về chính sách đầu tư, kinh doanh
* Chính sách thuế, phí
* Chính sách tài chính, ngân sách
* Chính sách di chuyển phương tiện và thể nhân
* Về quản lý hành chính, mô hình tổ chức
* Chính sách khác

***2.4.2. Hàn Quốc***

* Vị trí thuận lợi
* Thể chế, luật pháp rõ ràng, nhất quán.

***2.4.3. Ấn Độ***

* Vị trí đắc địa
* Thể chế vượt trội, chính sách ưu đãi đẳng cấp quốc tế, đặc biệt có chiến lược thu hút chuỗi các ĐKKT theo hàng ngang và có liên kết chặt chẽ với nhau.
* Thu hút FDI và chuyển giao công nghệ, đặc biệt chú trọng đến thu hút nguồn vốn đầu tư, nguồn nhân lực của Ấn kiều.
* Mục tiêu phát triển rõ ràng.

***2.4.4. Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE)***

**2.5. Bài học kinh nghiệm - hàm ý chính sách cho Việt Nam**

***2.5.1. Ảnh hưởng của ĐKKT đến phát triển KT-XH***

*2.5.1.1. Tác động về chính trị, xã hội*

*2.5.1.2. Tác động về kinh tế*

*2.5.1.3. Một số tác động khác*

* Về môi trường
* Về quốc phòng, an ninh

***2.5.2. Bài học kinh nghiệm thành công***

- Luật điều chỉnh riêng

- Vị trí chiến lược

- Chiến lược và mục tiêu phát triển rõ ràng

- Môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và chính sách ưu đãi cạnh trạnh quốc tế, từ đó lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược, tạo cho ĐKKT nổi trội

- Thể chế vượt trội

- Hỗ trợ đầu tư của Chính phủ

- Bộ máy hành chính tinh gọn và hiệu quả

- Thu hút FDI và chuyển giao công nghệ

- Trở thành cực tăng trưởng, lan tỏa

- Ngoại kiều

***2.5.3. Bài học kinh nghiệm thất bại***

- Vị trí không thuận lợi

- Các cơ chế chính sách thiếu tính cạnh tranh

- Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư

- Mô hình quản lý và tổ chức bộ máy cồng kềnh

- Chưa có chính sách an sinh xã hội phù hợp và tác động xã hội tiêu cực

- Áp dụng các quy tắc ngoại lệ không phù hợp

***2.5.4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam***

*Thứ nhất,* ĐKKT có mục tiêu phát triển rõ ràng nhằm thu hút FDI, chuyển giao công nghệ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong điều kiện toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Thứ hai,* ĐKKT đều tập trung khai thác triệt để các thế mạnh, nhất là về vị trí địa lý, về điều kiện KT-XH,… Vị trí địa lý thuận lợi của ĐKKT có ý nghĩa rất quan trọng.

*Thứ ba,* ĐKKT thành công đều có chung những điểm sau: Thể chế hiện đại, áp dụng luật pháp quốc tế, nguồn lực phát triển đa dạng và mức độ tập trung cao, thời gian xây dựng ngắn, trở thành nơi hội tụ của đông đảo các công ty hàng đầu thế giới…

*Thứ tư,* ĐKKT thành công đều có chính sách về KT-XH, ưu đãi cao hơn và thuận lợi hơn so với các quy định của luật hiện hành và cam kết quốc tế, đảm bảo vượt trội và cạnh tranh quốc tế; và nhóm chính sách về xây dựng mô hình tổ chức và quản lý tinh gọn, đủ thẩm quyền, hiệu lực, hiệu quả.

**Tiểu kết Chương 2**

Từ thực tiễn phát triển của ĐKKT trong và ngoài nước cho thấy, để ĐKKT thành công cần phải đảm bảo 10 yếu tố có quan hệ đan xen như:

(1) Luật pháp: Có Luật điều chỉnh riêng, để các nhà đầu tư an tâm và ĐKKT vận hành thống suốt, an toàn;

(2) Thể chế đa dạng: Có thể chế đa dạng (luật lệ, tổ chức quản lý) vượt trội để đảm bảo đầu tư có hiệu quả, an toàn;

(3) Vị trí chiến lược: Có liên kết quốc tế đa dạng và dễ lan tỏa tác động;

(4) Chiến lược phù hợp: Có chiến lược và mục tiêu phát triển rõ ràng, nhất là có phân kỳ đầu tư phù hợp;

(5) Môi trường đầu tư tốt: Có môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và chính sách ưu đãi cạnh trạnh quốc tế, đặc biệt là tạo ra được dấu ấn khác biệt;

(6) Hỗ trợ đầu tư ban đầu: Có hỗ trợ đầu tư của Chính phủ về cả cơ chế chính sách và nguồn vốn đầu tư nối kết và hạ tầng ban đầu;

(7) Bộ máy quản trị tinh gọn: Có bộ máy hành chính tinh gọn và hiệu quả, vượt khỏi tầm quản lý của địa phương riêng lẻ (tốt nhất trực thuộc trung ương);

(8) Thu hút FDI và công nghệ cạnh tranh: Có khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và thực hiện chuyển giao công nghệ trong ĐKKT;

(9) Phát triển khoa học, công nghệ: ĐKKT cần có động lực tăng trưởng; nó cần luôn đổi mới, gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

(10) Thu hút người tài.

# CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG ĐIỀU KIỆN TIỀN ĐỀ CHO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẶC KHU KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

**3.1. Chủ trương và điều kiện tiền đề cho xây dựng ĐKKT**

***3.1.1. Chủ trương, chính sách xây dựng các loại hình ĐKKT***

***3.1.2. Hành lang pháp lý cho hình thành ĐKKT***

***3.1.3. Cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ***

- Đối với KCN, KCX

- Đối với KKT

- Đối với KKTCK

- Đối với các KNNƯDCNC

- Đối với các KCNTTTT

***3.1.4.*** ***Điều kiện tiền đề để hình thành và phát triển các loại hình ĐKKT***

*3.1.4.1. Đối với KCX, KCN*

(1) Xây dựng các khu vực có diện tích đủ lớn, với điều kiện hạ tầng cơ bản trong KCN, KCX như đường nội bộ, đất sạch, hệ thống điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải. Cơ chế đầu tư phát triển các KCN, KCX thông thoáng, có thể là đầu tư từ nhà nước, tư nhân trong nước hoặc FDI;

(2) Có sức thu hút hiệu quả dự án FDI, đầu tư trong nước đóng góp quan trọng cho phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ;

(3) Có cơ chế thu hút các dự án sản xuất hàng xuất khẩu, hàng phục vụ nhu cầu trong nước, thu hút nhiều lao động;

(4) Thu hút phát triển hệ thống các KCN, KCX tại các vùng kinh tế động lực, trọng điểm; thuận lợi về vị trí địa lý, gần cảng biển, sân bay;

(5) Có cơ chế, chính sách ưu đãi hơn về đầu tư, thuế so với các khu vực khác; cho thuê đất lâu dài; có hệ thống quản lý nhà nước gọn nhẹ, thông thoáng, một cửa.

*3.1.4.2. Đối với KKT*

(1) Thúc đẩy hình thành và triển khai các dự án, công trình trọng điểm mang tính động lực, thúc đẩy phát triển KKT ven biển,

(2) Dành một khoản thích đáng ngân sách Trung ương, địa phương để xây dựng

(3) Phát triển KKT ven biển có vị trí địa lý thuận lợi (gần cảng biển, sân bay...),

(4) KKT ven biển phải có quy mô diện tích đủ lớn, tối thiểu 10.000 ha, để có

(5) Phát triển KKT ven biển nhằm bảo đảm tốt an ninh, quốc phòng; trật tự, an

(6) Có cơ chế, chính sách ưu đãi về các loại thuế, đầu tư, tiền thuê đất; hệ thống

*3.1.4.3. Đối với KKTCK*

(1) Phát triển KKTCK có vị trí thuận lợi, gần các hệ thống trục giao thông quốc

(2) Có cơ chế, chính sách về thuế, đất đai, đầu tư ưu đãi để thu hút các dự án

(3) Có khả năng gắn kết giữa phát triển kinh tế với giữ vững an ninh, chính trị,

*3.1.4.4. Đối với KCNC*

(1) Phát triển các KCNC phù hợp với quy hoạch phát triển; có cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai;

(2) Có quy mô diện tích thích hợp, địa điểm thuận lợi về giao thông và liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao;

(3) Hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ thuận lợi đáp ứng yêu cầu hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao;

(4) Có nhân lực và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp; quản lý hành chính nhà nước thông thoáng, một cửa liên thông.

*3.1.4.5. Tổng hợp các điều kiện tiền đề để hình thành và phát triển ĐKKT*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Chỉ tiêu*** | ***KCN, KCX*** | ***KCNC*** | ***KKTCK*** | ***KKT*** |
| Địa điểm và diện tích | Diện tích đủ lớn (hàng trăm ha) | Diện tích hàng nghìn ha, | Nằm cạnh vùng biên giới có diện tích trung bình | Diện tích lớn, hàng vạn ha |
| Hạ tầng kỹ thuật | Hạ tầng kỹ thuật thuận lợi (đường nội bộ, điện, nước,…) | Được chuẩn bị kỹ phù hợp với R&D | Có hạ tầng kỹ thuật kết nối | Có hạ tầng kỹ thuật hiện đại, bố trí vùng ven biển |
| Hạ tầng xã hội | Tách khỏi khu dân cư | Có khu cho các nhà khoa học | Có khu dân cư phù hợp | Có khu đô thị hiện đại |
| Nguồn nhân lực | Phục vụ sản xuất trong nội khu | Chọn lọc | Chọn lọc | Có nhiều chuyên gia và kỹ thuật viên |
| QLNN | Ban quản lý | Ban quản lý | Ban quản lý | Quản trị đặc biệt |

**3.2. Thực trạng tình hình phát triển các loại hình ĐKKT tại Việt Nam**

***3.2.1. Kết quả đạt được trong phát triển KCX, KCN***

(1) Các KCN, KCX trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư lớn, nhiều dự án quy mô lớn, đã có nhiều dự án sử dụng công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường.

(2) Kết cấu hạ tầng KCN, KCX phát triển tương đối đồng bộ, hiện đại, bảo vệ môi trường; góp phần quan trọng hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia.

(3) Doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KCX có đóng góp quan trọng trong việc gia tăng mạnh mẽ xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

(4) Các doanh nghiệp trong KCN, KCX đã góp phần quan trọng trong việc, nộp ngân sách, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình CNH-HĐH đất nước.

(5) Nhiều dự án FDI có công nghệ cao với quy mô lớn có sức lan tỏa, thu hút nhiều dự án công nghiệp hỗ trợ và chuyển giao công nghệ, hình thành chuỗi giá trị toàn cầu. Hình thành các tổ hợp công nghiệp công nghệ cao hàng đầu thế giới.

(6) KCN, KKT góp phần tích cực vào công tác bảo vệ môi trường và thực hiện định hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc phát triển KCN, KCX thời gian qua cũng bộc lộ một số hạn chế, thể hiện chủ yếu trên các mặt:

(1) Chất lượng, hiệu quả quy hoạch KCN, KCX chưa đáp ứng yêu cầu;

(2) Mô hình phát triển KCN, KCX chậm được đổi mới;

(3) Chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư vào KCN, KCX chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; liên kết, hợp tác trong và ngoài KCN, KCX còn hạn chế;

(4) Phát triển KCN, KCX chưa thật bền vững và cân bằng về kinh tế, môi trường và xã hội;

(5) Hiệu quả sử dụng đất tại KCN, KCX chưa cao;

(6) Nguồn vốn hỗ trợ từ NSNN cho phát triển kết cấu hạ tầng KCX, KCN còn thấp so với nhu cầu.

***3.2.2. Kết quả đạt được trong phát triển KKT***

Một số KKT đã bước đầu xây dựng chuỗi liên kết ngành, lĩnh vực thông qua hình thành cụm sản xuất công nghiệp tập trung có tính liên kết cao với một số dự án hạt nhân, là nhân tố đóng vai trò nòng cốt để thu hút doanh nghiệp vệ tinh, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tạo nền tảng quan trọng thúc đẩy liên kết ngành, vùng và phát triển sản xuất công nghiệp quy mô lớn. Đồng thời, KKT cũng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, tăng thu NSNN, giải quyết việc làm. Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc phát triển KKT thời gian qua cũng bộc lộ một số hạn chế: Công tác xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển KKT; chủ yếu vẫn dựa vào nguồn NSNN; phát triển theo “chiều rộng”; chưa thực sự chú trọng phát triển theo “chiều sâu” hướng tới cơ cấu ngành nghề có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại và bảo vệ môi trường; việc phân cấp trong một số lĩnh vực còn chưa được thực hiện đầy đủ, nhất quán trên cả nước; việc thực hiện cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ” chưa phát huy hiệu quả.

***3.2.3. Kết quả đạt được trong phát triển KKTCK***

KKTCK góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, tạo ra sự lan tỏa khắp các khu vực biên giới. KKTCK tạo cơ hội cho phát triển công nghiệp, du lịch và một số ngành dịch vụ; tạo thêm nhiều việc làm, nhất là trong các ngành dịch vụ; đồng thời thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng KKTCK, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, viễn thông... Tạo dựng môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước và FDI. KKTCK thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, thương mại, xây dựng mối quan hệ hữu nghị bền vững với nước bạn, bảo vệ vững chắc biên giới, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, phát triển KKTCK thời gian qua cũng bộc lộ một số hạn chế: Việc lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết trong KKTCK triển khai còn chậm và chất lượng chưa cao; KKTCK thường nằm tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn; v.v.

***3.2.4. Kết quả đạt được trong phát triển KCNC***

Các KCNC trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường; Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối hiện đại; nhiều doanh nghiệp tên tuổi hoạt động; v.v. Tuy nhiên, thực tiễn quá trình xây dựng, phát triển, quản lý vận hành, khai thác KCNC vẫn còn rất nhiều những khó khăn: quy định pháp luật cho việc thành lập, mở rộng KCNC; thu hồi và giải phóng mặt bằng; Kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng các KCNC đòi hỏi lớn; các dự án trong nước chiếm đa số tại KCNC nhưng tỷ lệ vốn đầu tư bình quân còn khá thấp so với dự án FDI; Liên kết giữa hoạt động R&D, đào tạo, ươm tạo của KCNC với Viện, Trường, doanh nghiệp chưa đạt được hiệu quả cao; các dự án ươm tạo chưa thu hút được nhiều các quỹ đầu tư tham gia và việc hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp chủ yếu chỉ mới tập trung trong các nội dung liên quan đến tư vấn, hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, hỗ trợ cơ sở vật chất trang thiết bị nghiên cứu sản xuất thử nghiệm; v.v.

**3.3. Đánh giá tình hình phát triển loại hình ĐKKT thời gian qua**

Đánh giá tình hình phát triển loại hình ĐKKT thời gian qua được thể hiện qua các số liệu khảo sát, điều tra về các khía cạnh:

***3.3.1. Đánh giá về việc xây dựng, hình thành và phát triển Khu***

***3.3.2. Đánh giá về việc xây dựng và thực hiện quy định pháp luật***

***3.3.3. Đánh giá về công tác quản lý nhà nước tại các Khu***

***3.3.4. Đánh giá thành công, hạn chế về cơ chế, chính sách***

***3.3.5. Đánh giá về quan điểm phát triển Khu thời gian tới***

***3.3.6. Đánh giá về giải pháp phát triển Khu thời gian tới***

**Tiểu kết Chương 3**

Không thể phủ nhận vai trò của KCN, KCX và KKT khi cùng với quá trình đổi mới đất nước, nó đang thể hiện rõ tính chất, hiệu quả của một loại hình mang tính đột phá trong thu hút đầu tư, tăng trưởng công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Được hình thành và phát triển xuất phát từ chủ trương của Đảng và Chính phủ trong việc quy hoạch các vùng tập trung phát triển công nghiệp, vùng lãnh thổ kinh tế gắn với các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tạo đột phá trong phát triển công nghiệp, phát triển vùng phục vụ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trải qua quá trình xây dựng và phát triển, KCN, KCX, KKT đã có những đóng góp tích cực trong thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài, giải quyết việc làm, góp phần hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế các địa phương và cả nước đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, thương mại gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng trên biển, biên giới và đất liền.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, trong quá trình phát triển KCN, KCX, KKT cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập về công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng, chất lượng thu hút đầu tư, công tác bảo vệ môi trường và vấn đề lao động; cơ chế, chính sách pháp luật liên quan tới KCN, KCX còn chồng chéo, chưa đồng bộ. Việc quy hoạch, phát triển quá nhiều KKT ven biển, KKTCK chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển, còn mang tính cục bộ, chưa được xem xét một cách tổng thể hài hòa lợi của quốc gia. Nguồn ngân sách Trung ương hết sức hạn chế, trong khi đó nhu cầu đầu tư phát triển của KKT là rất lớn nên nhiều KKT như hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ, đạt chất lượng theo quy hoạch và thu hút đầu tư. Ngoài ra, tiến độ đầu tư hạ tầng chưa đạt yêu cầu còn do nguyên nhân các địa phương chưa thực sự chủ động trong tìm kiếm, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách Trung ương; phương thức huy động các nguồn lực chưa gắn với cơ chế ưu đãi thỏa đáng, quyền lợi rõ ràng nên chưa mang tính khuyến khích cao.

Việc phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý KKT trong một số lĩnh vực còn chưa được thực hiện đầy đủ, nhất quán trên cả nước do có sự không thống nhất với các quy định của pháp luật chuyên ngành, chưa được các bộ, ngành hướng dẫn cụ thể hoặc chủ trương phân cấp, ủy quyền chưa được địa phương quán triệt và thực hiện. Vì vậy, việc thực hiện cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ” chưa được phát huy.

Từ những bài học kinh nghiệm trong phát triển các loại hình KCX, KCN, KKT, KKTCK trong gần 30 năm qua, đã được đúc kết, rút kinh nghiệm, sẽ là bài học quý báu cho việc hình thành, xây dựng và phát triển ĐKKT tại Việt Nam trong thời gian tới.

**CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG ĐẶC KHU KINH TẾ TẠI VIỆT NAM**

**4.1. Bối cảnh mới tác động và yêu cầu xây dựng ĐKKT tại Việt Nam**

***4.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực***

***4.1.2. Bối cảnh trong nước***

**4.2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng**

***4.2.1. Quan điểm***

*4.2.1.1. Sáng tạo trong tự chủ: Xây dựng ĐKKT đảm bảo tính đột phá, mới tạo*

*4.2.1.2. Thử nghiệm và lan tỏa có kiểm soát: Hình thành ĐKKT tại một số khu*

*4.2.2.3. Quản trị gọn nhẹ, thông thoáng trong thể chế, ăn khớp thống nhất trong đa dạng, thích ứng với điều kiện hội nhập sâu rộng*

***4.2.2. Mục tiêu***

Thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư, công nghệ cao, quản lý tiến tiến từ nước ngoài, hình thành khu vực tăng trưởng cao, với phương thức quản lý mới, có môi trường sống hiện đại. Đặc biệt ĐKKT có thể thu hút được nhà đầu tư chiến lược, không chỉ có vốn lớn, với công nghệ cao mà còn có khả năng nối kết với kinh tế toàn cầu trong dài hạn;

Thu hút các ngành, nghề phát triển hoạt động R&D, khởi nghiệp sáng tạo, các ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới; giáo dục, y tế chất lượng cao; dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, văn hóa sáng tạo; phát triển ngành dịch vụ hậu cần cảng biển và sân bay;

Tạo động lực, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh, vùng và cả nước. Từ ”nhóm lửa” ban đầu với các nhà đầu tư chiến lược sẽ tạo ra thế và lực để ĐKKT có thể thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và đổi mới thể chế của địa bàn và cả nước trong quá trình hội nhập quốc tế;

Từ thực tiễn phát triển của các ĐKKT có thể tạo sức lan tỏa, liên kết trong cả nước những cơ chế, chính sách và mô hình quản lý phù hợp, hiệu quả và cả các hoạt động kinh tế thực tiễn. Từ đó làm cho kinh tế Việt Nam có điều kiện tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu.

***4.2.3. Định hướng***

*4.2.3.1. Định hướng về thể chế, cơ chế chính sách*

*4.2.3.2. Định hướng về tổ chức, bộ máy quản lý*

*4.2.3.3. Định hướng chiến lược và mục tiêu phát triển*

*4.2.3.4. Định hướng hỗ trợ của Chính phủ và nhà đầu tư chiến lược*

*4.2.3.5. Định hướng về cơ chế, chính sách ưu đãi*

* Chính sách tiền tệ, ngân hàng: Thực hiện cơ chế tự do hóa tiền tệ, ngân hàng theo thông lệ và đảm bảo tính ưu đãi, cạnh tranh quốc tế.
* Chính sách ưu đãi thuế: các loại thuế
* Ưu đãi về tiền thuê đất và mặt nước
* Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
* Chính sách về đất đai và nhà ở
* Chính sách xuất nhập cảnh
* Các chính sách khác

**4.3. Giải pháp chủ yếu**

***4.3.1. Xây dựng thể chế và các quy định***

***4.3.2. Triển khai và chỉ đạo điều hành***

***4.3.3. Cơ chế, chính sách ưu đãi***

* Tài chính, tiền tệ và ngân hàng;
* Chính sách thuế;
* Chính sách về đất đai và nhà ở;
* Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
* Chính sách xuất nhập cảnh, cư trú.

***4.3.4. Nguồn lực đầu tư và nhà đầu tư chiến lược***

* Về phân loại dự án
* Cơ cấu nguồn lực tài chính
* Tổng mức đầu tư dự kiến

***4.3.5. Cơ chế liên kết và bảo hộ quyền lợi ích***

**4.4. Lợi ích và tác động tích cực dan xen các tác động tiêu cực, rủi ro và biện pháp khắc phục**

***4.4.1. Lợi ích***

* Về kinh tế và tài chính
* Về đóng góp cho NSNN
* Về xã hội và môi trường
* Về chính trị, đối ngoại
* Về quốc phòng, an ninh

***4.4.2. Các tác động tiêu cực, rủi ro và biện pháp khắc phục***

* Về tự nhiên
* Về kinh tế-xã hội
* Về chính trị
* Về pháp luật và rủi ro khác

**Tiểu kết chương 4**

ĐKKT với các cơ chế, chính sách đặc thù là mô hình đã được áp dụng khá thành công ở một số quốc gia trên thế giới. Từ thực tiễn phát triển mô hình này tại các quốc gia, thành công về KT-XH của ĐKKT này thường gắn với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ của những nhà hoạch định chính sách, cùng với thể chế và các chính sách ưu đãi vượt trội.

Với vị trí địa chính trị chiến lược, sự ổn định chính trị - xã hội cao, nội lực của nền kinh tế, môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và hội nhập kinh tế sâu rộng, Việt Nam hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển ĐKKT, trong đó có khu vực Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc. Việc nghiên cứu xác định một số địa phương có điều kiện phát triển thí điểm hình thành ĐKKT và xây dựng một hệ thống quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển mô hình này tại Việt Nam là cần thiết và phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay.

Để phát triển thành công ĐKKT cần hội tụ đủ các yếu tố khách quan và chủ quan. Trong đó, cần thiết phải có quyết tâm chính trị lớn của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp, đồng thời phải có những bước đi mạnh dạn nhưng thận trọng, áp dụng những cơ chế chính sách đặc thù, một số chính sách có thể nằm ngoài khung pháp luật hiện hành. Trước mắt, cần xây dựng hệ thống quan điểm, định hướng thống nhất về phát triển ĐKKT, cũng như phải hình thành hành lang pháp lý (xây dựng Luật ĐKKT và một số cơ chế, chính sách đặc thù) và cơ chế thí điểm cho ĐKKT dự kiến thành lập trong thời gian tới (Đề án thành lập ĐKKT). Trên cơ sở đó, cơ quan có thẩm quyền Quyết định thí điểm thành lập ĐKKT tại Việt Nam với tổ chức bộ máy đủ mạnh, gọn nhẹ. Cùng với các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù, thể chế hiện đại, nhất định ĐKKT tại Việt Nam trong thời gian tới sẽ là động lực tăng trưởng, tác động kinh tế lan tỏa ra cả nước.

# 

# KẾT LUẬN

ĐKKT với vị trí đắc địa, cùng với các cơ chế, chính sách đặc thù là mô hình đã được áp dụng khá thành công ở một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Từ thực tiễn phát triển ĐKKT này tại các quốc gia cùng với thành công về phát triển KT-XH thường gắn với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ của những nhà hoạch định chính sách, cùng với thể chế, cơ chế chính sách hiện đại, ưu đãi vượt trội so với các mô hình khác.

Xuyên suốt luận án đã khẳng định, ĐKKT là một mô hình, thể chế vượt trội, cơ chế, chính sách, ưu đãi để có thể áp dụng vào cả đất nước. Mặt khác, ĐKKT đóng vai trò động lực quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH của một đất nước như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, duy trì động lực mạnh mẽ cho phát triển, cũng như nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, tạo sức lan tỏa lớn, đẩy mạnh hội nhập... Nếu ĐKKT không đặt đúng vị trí, cũng không có cơ chế, chính sách, quản trị tốt sẽ là gánh nặng và tác động xấu ngược trở lại đối với sự phát triển của đất nước. Hình thành ĐKKT cần phải có sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước. Nếu đi đúng hướng sẽ xây dựng, hình thành và phát triển được một số ĐKKT, mang lợi ích lớn cho quốc gia; ngược lại với cơ chế chính sách không thông thoáng thuận tiện, cơ chế quản trị lạc hậu sẽ mang đến gánh nặng nợ nần cho quốc gia.

Qua kinh nghiệm phát triển ĐKKT trên thế giới, với nhiều mô hình khác nhau; cùng các thể chế, cơ chế chính sách, ưu đãi khác nhau. Nhiều ĐKKT đã thành công, nhiều ĐKKT đã thất bại. Từ những kinh nghiệm thành công, thất bại, chúng ta đã rút ra những bài học kinh nghiệm xương máu trong hình thành, xây dựng và phát triển ĐKKT trên thế giới. Đồng thời, việc phát triển hệ thống KCN, KCX, KKT trên địa bàn cả nước trong giai đoạn vừa qua, cũng đã đúng rút những bài học kinh nghiệm quý báu. Tuy nhiên, luận án vẫn chưa có những nghiên cứu sâu, đánh giá được tổng thể sự hình thành, phát triển của ĐKKT thế hệ mới trên thế giới; được thể hiện ở nhiều mô hình khác như thành phố thông minh, thành phố sinh thái, cảng tự do... Hướng nghiên cứu tới là tiếp tục nghiên cứu mô hình ĐKKT thế hệ mới, hệ thống hóa các vấn đề, đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, đề xuất quan điểm, định hướng, phương thức, giải pháp triển khai mô hình này.

Đánh giá tổng thể các yếu tố cho thấy, về cơ bản Việt Nam hội tụ đủ các điều kiện tiền đề quan trọng để hình thành, xây dựng và phát triển ĐKKT trong điều kiện hội nhập hiện nay. Mặt khác, Đảng, Nhà nước đang và đã thể hiện quyết tâm cao để xây dựng ĐKKT trong thời gian tới. Vấn đề quan trọng hiện nay là quan điểm về pháp luật, cơ chế chính sách, vị trí ĐKKT với điều kiện thuận lợi cho phát triển, hỗ trợ từ Nhà nước, thu hút nhà đầu tư chiến lược… phải cụ thể như thế nào.

Với quan điểm, định hướng phát triển, giải pháp thực hiện rõ ràng để trong thời gian tới, chúng ta có thể hình thành, xây dựng và phát triển một số ĐKKT tại Việt Nam. Các quan điểm, định hướng phát triển phải có mối quan hệ thống nhất với tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước đến năm 2030 (năm kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam) và đến năm 2045 (năm kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Các giải pháp thực hiện phải hài hòa với giải pháp phát triển tổng thể của đất nước; các giải pháp đều phải có mối quan hệ thống nhất, biện chứng và cần phải được tiến hành đồng bộ. Với những thành tựu và kinh nghiệm rút ra được trong những năm vừa qua, nhất định trong thời gian tới, đất nước Việt Nam chúng ta sẽ vượt qua được những khó khăn, thách thức; có lộ trình, phương án cụ thể để có thể sớm hình thành, xây dựng và phát triển một số ĐKKT tại Việt Nam trong thời gian tới./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phát triển đặc khu kinh tế ở Ấn Độ - Bài học cho Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, trang 25-31, số 9, năm 2017.

2. Tạo đột phát phát triển: Nghiên cứu vùng Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số 528, trang 33-36, năm 2018.

3. Interregional Input - Ouput Analysis between the Mekong Delta Region (MDR) and the Rest of Vietnam (ROV), Research in Economic and Management, pages 288-206, No. 2, 2018.